

VỀ THỜI ĐIỂM VIẾT *TRUYỆN KIỀU*

PGs Ts Lê Thành Lân
Viện Công nghệ Thông tin

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong cuốn *Văn bản Truyện Kiều. Nghiên cứu và thảo luận* PGS Đào Thái Tôn đã có một tóm lược khá đầy đủ và gọn ghẽ tình hình khảo cứu về thời điểm sáng tác *Truyện Kiều* ở nửa cuối thế kỷ trước:

“Về vấn đề thời gian sáng tác *Truyện Kiều*, hơn nửa thế kỷ qua đã được các nhà nghiên cứu đặt ra.

- Đào Duy Anh trong *Khảo luận về Kim Vân Kiều*, năm 1943 (Nxb Văn hóa in lần thứ hai với tên sách *Khảo luận về Truyện Thúy Kiều*, H 1958), cho rằng Nguyễn Du viết *Truyện Kiều* trước khi đi sứ Trung Quốc, khoảng 1805-1809 ...
- Trong bài *Nguồn gốc văn Kiều - văn phái Hồng Sơn* (*Thanh Nghị* số 29, 30, 31 tháng 2-1943), Hoàng Xuân Hãn do tin vào *Đại Nam liệt truyện chính biên*, cho rằng Nguyễn Du viết *Truyện Kiều* sau khi đi sứ Trung Quốc, khoảng 1815-1820. Nhưng, năm 1951, do phát hiện ra chứng cứ chắc chắn rằng *Truyện Kiều* viết trước *Mai đình mộng ký* nên ông đã *tự bác lại ý kiến của ông* để cho rằng *Truyện Kiều* được viết trước năm 1809. Những năm cuối đời, việc nghiên cứu văn bản học đã khiến ông cho rằng *Truyện Kiều* được viết **trước** khi ra làm quan với Gia Long, vào đời Tây Sơn. Một chi tiết khoa học đã phải qua sự vật vờ hơn nửa thế kỷ như thế.
- Sau khi tham khảo ý kiến của Đào Duy Anh và Hoàng Xuân Hãn, trên Tạp chí Văn học số 6 năm 1963, căn cứ thêm vào những câu thơ trong chính *Truyện Kiều*, Trương Chính cũng cho rằng Nguyễn Du viết *Truyện Kiều* vào khoảng thời gian ở “dưới chân núi Hồng”, nghĩa là từ 1796 đến 1801.

Tóm lại là từ 1943 đến nay, Đào Duy Anh, Hoàng Xuân Hãn và Trương Chính đã gặp gỡ nhau trong việc cho rằng *Truyện Kiều* được sáng tác **trước** khi đi sứ, thậm chí là **trước** khi ra làm quan với Gia Long, vào đời Tây Sơn” [1] (trang 307).

Gần đây hầu hết mọi người đã tin vào kết quả khảo cứu về chữ húy thời Lê trung hưng của GS Nguyễn Tài Cẩn, PGS Ngô Đức Thọ và PGS Đào Thái Tôn để đi đến kết luận là tác phẩm này được viết vào những năm từ 1785 đến 1790 [2], [3] và [4]. Có lẽ còn rất ít người tin vào luận điểm của GS Mai Quốc Liên và ông Nguyễn Quảng Tuân là *Truyện Kiều* được viết sau khi tác giả đi sứ về, tức là vào khoảng 1813 đến 1820, thậm chí trong 6 tháng nghỉ phép của năm 1814 [5].

Cho đến nay, ta nhận thấy có 3 cái mốc quan trọng chia ra 4 giai đoạn khác nhau:

Mốc 1 là vào khoảng 1789: phân ra thời Lê (giai đoạn 1) hay sau thời Lê (giai đoạn 2, giai đoạn 3, giai đoạn 4)?

Mốc 2 là 1802: phân ra trước thời Nguyễn (giai đoạn 1 và giai đoạn 2) hay vào thời Nguyễn (giai đoạn 3 và giai đoạn 4)?

Mốc 3 là 1813: phân ra trước (giai đoạn 1, giai đoạn 2, giai đoạn 3) hay sau (giai đoạn 4) khi đi sứ về?

Chúng tôi tạm chia ra 3 nhóm tác giả: Nhóm 1 có GS Nguyễn Tài Cẩn, PGS Ngô Đức Thọ, PGS Đào Thái Tôn, PGS Nguyễn Thạch Giang cho là trước mốc 1, tức là vào những năm cuối thời Lê (giai đoạn 1). Nhóm 2 có Ông Nguyễn Khắc Bảo và có thể kể cả nhà báo Nguyễn Hoàng Sơn cho rằng ở giữa mốc 1 và 2, tức là vào thời Tây Sơn (giai đoạn 2). Nhóm 3 có ông Nguyễn Quảng Tuân và GS Mai Quốc Liên cho là sau mốc 3, tức là sau khi đi sứ về (giai đoạn 4), cụ thể hơn nữa là vào năm 1814. Hầu như không còn ai cho là vào thời gian trước khi đi sứ, hồi đầu triều Nguyễn (giai đoạn 3). Như vậy là, trong cách nhìn của các nhà nghiên cứu ranh giới giữa mốc 2 và mốc 3 trở nên rất mờ nhạt. Tôi nghĩ, chắc nhà báo Nguyễn Hoàng Sơn cho rằng: “cái mốc “trước hoặc sau khi đi sứ” không có ý nghĩa bằng cái mốc “trước hoặc sau khi ra làm quan cho nhà Nguyễn (1802)”. Tôi cũng nghĩ như vậy. Khi cái mốc 3 không còn quan trọng nữa, thì ta chỉ còn quan tâm tới 3 thời đại: cuối Lê, hay Tây Sơn, hay đầu Nguyễn để xem *Truyện Kiều* - Nguyễn Du thuộc thời đại nào. Ở thời nào, tác phẩm chịu ảnh hưởng và chi phối của thời đó, đồng thời cũng phản ánh xã hội, phản ánh tình cảm tư tưởng của Nguyễn Du thời đó. Về nhiều mặt, có thể cái mốc 1789 mờ nhạt, không rõ nét lắm; nhưng cái mốc 1802 thì đậm nét hơn, nó có những đặc trưng rõ rệt, bởi thực sự lúc đó giang sơn đã thu về một mối, chính quyền chuyên chế được thiết lập, xã hội tương đối ổn định.

Tôi được đọc nhiều bài cho rằng *Truyện Kiều* được viết trước thời Nguyễn và tôi đều bị thuyết phục, nhưng dường như mỗi bài một góc độ, chưa hội đủ mọi thông tin. Ở bài này, chúng tôi muốn tập hợp và hệ thống hóa ý kiến của các nhà khảo cứu đã viết trước để khẳng định điều này:

Truyện Kiều không thể được viết vào thời Nguyễn.

II. SƠ BỘ BÀN VỀ LẬP LUẬN CỦA ÔNG NGUYỄN QUẢNG TUÂN

1. Sau khi bàn về các chữ húy mà nhóm của GS Nguyễn Tài Cẩn tìm ra, ông Nguyễn Quảng Tuân viết:

“Chúng tôi vẫn tin vào *Đại Nam chính biên liệt truyện* chép rằng: “Du trường ưu thi, ưu thiện quốc âm, Thanh sứ hoàn, dĩ Bắc hành thi tập cập Thúy Kiều truyện hành thế” (Nguyễn Du có tài về thơ chữ Hán, lại giỏi quốc âm, sau khi đi sứ nhà Thanh về, có tập thơ *Bắc hành* với *Truyện Kiều* ra đời)” [5] (trang 270). Xin nhấn mạnh, ở đây ông Tuân hiểu “hành thế” là “ra đời”.

“Những chữ húy trên đã chứng tỏ *Truyện Kiều* đã được Nguyễn Du viết ra sau khi đi sứ nhà Thanh về vào năm 1814 trong thời gian sáu tháng nghỉ phép ở quê nhà tại làng Tiên Điền.

Việc sáng tác không cần phải phác thảo, không cần phải làm đề án như trong việc nghiên cứu, bình luận. Nguyễn Du một khi đã đọc kỹ từng hồi quyển *Kim Vân Kiều truyện* của Thanh Tâm Tài Nhân thì có thể tùy theo nguồn cảm hứng viết ngay một mạch, ngày này qua ngày khác, mãi mê viết cho xong toàn truyện nên ở quê cụ có truyền rằng: “*Quan Tham tri viết Truyện Kiều có trong một đêm là xong nên bạc trắng cả đầu.*”

Nhưng nếu *Truyện Kiều* được viết từ đời Lê - Trịnh thì suốt cả đời Gia Long, từ 1802 đến 1820, phải có những bài viết bàn về *Truyện Kiều* chứ?” [5] (trang 271, 272).

2. Chúng tôi nhận thấy trong lập luận của ông Nguyễn Quảng Tuân có các ý chính sau:

Một là, không nhất trí với các phát hiện về chữ húy của các nhà khảo cứu khác.

Hai là, cho rằng *Liệt truyện* đã chép rằng Nguyễn Du viết *Truyện Kiều* sau khi đi sứ về, tức là trong khoảng 1813 đến 1820, là năm nhà thơ mất.

Ba là theo ông Nguyễn Quảng Tuân: “Nguyễn Du có thể đã viết xong quyển truyện *Đoạn trường tân thanh* vào năm 1814, rồi trong gia đình, Nguyễn Thiện đã được đọc ngay và sau đó là *Nhuận sắc Hoa tiên* của Nguyễn Huy Tự” (dẫn theo Nguyễn Hoàng Sơn [6] (trang 69)).

Dưới đây chúng tôi sơ bộ bàn các ý một và ba:

3. Về chữ húy, chúng tôi xin bàn vấn đề này:

Chữ húy là một công cụ lợi hại trong việc giám định niên đại văn bản. Tuy vậy nó cũng là con dao hai lưỡi, một đòn sóc hai đầu, dùng không thạo dễ đi đến những kết luận sai lầm. Chúng tôi cảm thấy ông Nguyễn Quảng Tuân chưa nắm chắc công cụ này. Còn nhớ vào năm 1999, khi trả lời ông Vũ Đức Phúc trên tạp chí Văn học số 2-1999, ông Nguyễn Quảng Tuân vẫn chưa biết gì về chữ húy, ông viết: “Ông Vũ Đức Phúc không kể ra những chữ nào đã viết kiêng húy. Nếu bảo kiêng húy tên vua Gia Long là *Nguyễn Phước Ánh*, thì trong *Truyện Kiều* không có một chữ “ánh” nào. Tôi xin nhắc lại: không có câu thơ nào có chữ “ánh” chứ không phải Duy Minh thị kiêng húy đời Gia Long” [7] (trang 285). Lúc đó ông chưa biết Gia Long ra lệnh kiêng húy những chữ nào, thậm chí ông cũng chưa biết Gia Long có mấy tên gọi và là những tên nào. Vì thế GS Vũ Đức Phúc phải thốt lên: “Ông Nguyễn Quảng Tuân tuyệt đối không có một kiến thức gì về chữ húy, tưởng rằng thời Gia Long chỉ kiêng một chữ “ánh” mà thôi, mà toàn bộ *Truyện Kiều* thì không có chữ “ánh”, nhưng đáng lẽ tìm hiểu thì ông lại phê bình ông Hãn một cách có thể nói là bặt mạng” [1] (trang 417).

Đến năm 2003, khi khảo cứu chữ húy ở bản do Nguyễn Hữu Lập chép tay ông chỉ xét đến tên của vua Tự Đức [8] (trang 22, 26). Ông không biết rằng phải khảo cứu tất cả các chữ húy theo các định lệ từ Gia Long đến Tự Đức. Làm như ông, thà đừng nhắc đến chữ húy còn hơn.

Nay trải mấy năm, chẳng hiểu ông đã biết hết các chữ húy thời Nguyễn chưa? Có lẽ vì tuổi đã cao, ông không thể nắm bắt được kỹ thuật vận dụng các chữ húy này vào việc xác định niên đại văn bản, nên mới không hiểu được lập luận của các tác giả khác. Tôi tin rằng, thế nào họ cũng sẽ có bài phân tích tỉ mỉ hơn để ông rõ và nhất là để độc giả khỏi lầm.

Chúng tôi chỉ xin nêu một ý nhỏ. Ông Nguyễn Quảng Tuân viết rằng: “Đúng ra, nếu có húy thì kị húy theo phả hệ dòng họ Nguyễn vì Nguyễn Kim là thân phụ của Nguyễn Hoàng, không thể húy theo dòng họ Trịnh được” [5] (trang 263). Viết vậy là ông Tuân đã chủ quan, nên sai. Cái gì cũng có thể có ngoại lệ. Nguyễn Kim là vị công thần trung hưng lớn nhất; ông có công đầu đối với nhà Lê trung hưng, họ Trịnh, tất nhiên cả họ Nguyễn. Trịnh Kiểm là con rể ông,

được kế nghiệp cha vợ để rồi xây nghiệp chúa cho họ Trịnh. Họ Nguyễn bị đứt đoạn, Nguyễn Hoàng phải trốn vào Nam, tự lập dựng nghiệp chúa ở Đàng trong. Vì thế Trịnh – Lê có thể và nếu có kỵ húy thì phải kỵ húy cả tên Nguyễn Kim.

4. Giải thích về việc ông N Q Tuân khoan gọn thời điểm viết *Truyện Kiều* chỉ vào năm 1814, cụ thể là 6 tháng, là thời gian Nguyễn Du nghỉ ngơi sau hơn 1 năm đi sứ.

Ngay từ nửa thế kỷ trước GS Đào Duy Anh đã nhận xét: “Nhân nghiên cứu về sách *Hoa tiên ký* của Nguyễn Huy Tụ do Nguyễn Thiện nhuận sắc, tôi nhận thấy nhiều chứng cứ tỏ rằng Nguyễn Thiện đã mô phỏng văn của Nguyễn Du mà sửa lại văn Nguyễn Huy Tụ, nhân đó phải xem xét Nguyễn Du viết *Đoạn trường tân thanh* vào lúc nào” [9] (trang 25).

Việc “mô phỏng” lẫn nhau giữa hai tác phẩm *Hoa tiên ký* và *Truyện Kiều* là điều đã rõ. Tôi xin mượn ý của ông Nguyễn Hoàng Sơn: “Ông Tuân viết rất nhiều bài về quan hệ giữa *Kiều* và *Hoa tiên* chỉ cốt đề khẳng định “khi viết kiệt tác *Truyện Kiều*, Nguyễn Du không hề bắt chước một câu lục bát nào của bất cứ một tác phẩm nào đã có trước ông”. Giải thích hiện tượng có nhiều câu *Kiều* và *Hoa tiên* giống nhau, ông nói khơi khơi: “Nguyễn Du có thể đã viết xong quyển truyện *Đoạn trường tân thanh* vào năm 1814, rồi trong gia đình, Nguyễn Thiện đã được đọc ngay và sau đó nhuận sắc *Hoa tiên* của Nguyễn Huy Tụ”! Nói như vậy thì đúng là “vui về cả”, vừa bảo vệ được quan điểm của mình, vừa giữ được uy tín *Truyện Kiều* khỏi bị ... sút mẻ trước *Hoa tiên*(?!). Cách giải thích này cũng dựa vào Hoàng Xuân Hãn nhưng ý tứ đã sửa chữa. Cụ Hoàng viết từ năm 1943: “(Nguyễn Thiện) Nhuận sắc trước hay sau khi cụ Nguyễn Du làm quyển *Kiều*? Sự này rất quan hệ, vì có giải quyết được mới có thể trả lời câu hỏi trên: văn *Kiều* theo văn *Hoa tiên* hay ngược lại văn *Hoa tiên* theo văn *Kiều*. Như tôi đã nói, quyển *Đoạn trường tân thanh* làm ra từ năm 1815 đến năm 1820 và ông Nguyễn Thiện mất năm 1818. Như thế thì ông Nguyễn Thiện cháu cụ Nguyễn Du có thể được đọc *Đoạn trường tân thanh* trước lúc mất. Nhưng ta không vì sự có thể ấy mà bảo rằng ông theo văn *Kiều* mà nhuận sắc *Hoa tiên* nên mới có nhiều câu *Hoa tiên* giống câu *Kiều*. Một là, ông Nguyễn Thiện mất lúc 56 tuổi: nếu ông có được đọc *Đoạn trường tân thanh* thì cũng chỉ được đọc một hai năm trước lúc mất mà bây giờ đã về già rồi, ông ẩn dật ở làng từ thừa trẻ, vậy ông đã có rồi thời giờ mà làm công việc ấy từ lúc còn trẻ. Lẽ thứ hai là ... từ *Hoa tiên* đến *Đoạn trường tân thanh* còn có bài *Mai đình mộng ký* cũng theo lối *Hoa tiên* và có nhiều câu giống văn *Hoa tiên*. Bài ký ấy làm vào năm 1809, trước *Đoạn trường tân thanh*. Văn lại y như *Hoa tiên* và văn *Kiều*. Vậy thì ta thấy sự liên tục của ba tập văn ấy. Ông Nguyễn Huy Hồ tác giả *Mai đình mộng ký* chắc đã thuộc lòng *Hoa tiên* trước lúc làm bài ký ấy, và cụ Nguyễn Du cũng đã thuộc lòng *Hoa tiên* và *Mai đình mộng ký* trước lúc làm tập *Đoạn trường tân thanh*”. Cụ Hoàng chẳng hề gượng nhẹ trước tâm lý muốn đề cao Nguyễn Du của hậu thế, cứ theo chứng cứ chắc chắn mà phân tích kết luận” [6] (trang 69, 70). Đó là lập luận của Học giả Hoàng Xuân Hãn vào năm 1943. Ta biết sau này Học giả đã từ bỏ lập trường này.

Vậy là, theo ông Nguyễn Quảng Tuân, để đảm bảo đủ thời gian cho việc Nguyễn Thiện (mất năm 1818) phỏng theo *Truyện Kiều* mà nhuận sắc *Hoa tiên*, thì *Truyện Kiều* phải được viết xong sớm, tức là vào năm 1814. Điều này “đã ép” Nguyễn Thiện phải làm việc rất khẩn trương vào những năm cuối đời!

Vì trong lập luận của ông Nguyễn Quảng Tuân có nhắc đến Chiêm Vân Thị, mà chuyện này khá tế toái, nên chúng tôi muốn tách ra thảo luận trước ở mục III, nhằm chuẩn bị sẵn cho mục IV được gọn gàng, tập trung vào mục tiêu chính.

III. KHẢO VỀ CHIÊM VÂN THỊ

1. Ông Nguyễn Quảng Tuân viết về Chiêm Vân Thị

Để chứng tỏ rằng Nguyễn Lượng, người bình *Truyện Kiều* mất vào năm 1807, không ảnh hưởng đến lập luận về thời điểm viết *Truyện Kiều*, ông Nguyễn Quảng Tuân đã viện dẫn Chiêm Vân Thị.

Trên tạp chí *Văn nghệ* năm 1997, ông Nguyễn Quảng Tuân viết: “Theo Chiêm Vân Thị, những lời phê bình ghi trong bản *Đoạn trường tân thanh* do Kiều Oánh Mậu khảo đính và chú thích cũng chưa chắc đã là của Vũ Trinh mà có thể đã do một nhà nho nào phê bình rồi gán cho Vũ Trinh” [7] (trang 237).

Vừa rồi, ông viết: “Vũ Trinh và Nguyễn Lượng có viết *lời phê bình* nhưng không thấy in trong các bản Phường mà mãi đến đời Tự Đức mới thấy chép trong bản Kinh. Điều này đã gây ra sự nghi ngờ vì Vũ Trinh bị bắt năm 1816 và Nguyễn Lượng bị tử trận ở Nam Sơn Hạ tháng 11 năm 1807.

Nếu quyển *Truyện Kiều* được viết ra vào năm 1814 thì làm sao Nguyễn Lượng lại có được lời phê bình?

Điều này cũng cần được đặt (tôi thêm chữ “đặt” - LTL) thành vấn đề vì Chiêm Vân Thị trong bài *Phàn lệ quyển Thúy Kiều truyện tường chú* đã có ý kiến rằng: “*Hựu Kinh bản tái hữu Vũ Nguyễn nhị gia phê bình. Hoặc xưng nhị gia thị Hồng Sơn thời danh nhân. Nhiên thị kỳ bình ngữ, đề lậu ô bỉ, đương thị tục thủ ngụy thác, phi chân danh nhân dã*”.

(Kinh bản có lời phê bình của họ Vũ và họ Nguyễn. Có người cho hai nhà này là bậc danh nhân đồng thời với Hồng Sơn (Nguyễn Du). Song xét những lời phê bình đó, đều thấp kém quê mùa. Có lẽ là một tay xoàng xĩnh nào mượn tiếng đó thôi, chứ không phải là danh nhân).

Lời nhận xét ấy của Chiêm Vân Thị cũng có thể giải tỏa được mối nghi ngờ mà Hoàng Xuân Hãn đã nêu ra, cho rằng *Truyện Kiều* phải được viết ra trước đời Gia Long, từ đời Tây Sơn” [5] (trang 272).

2. Về bản thân Chiêm Vân Thị

Chắc chắn Chiêm Vân Thị soạn cuốn *Thúy Kiều truyện tường chú* sau *Đoạn trường tân thanh* của Kiều Oánh Mậu nhiều năm, ông thường nhắc đến các câu chú của họ Kiều và đã mượn những khái niệm bản Phường và bản Kinh của Kiều Oánh Mậu.

Chiêm Vân Thị viết: “Gần đây **Phường bản** có những sai lầm ... Truyện này có ba loại: Cổ bản, Kinh bản, và Cận bản ... A - **Cổ bản** là bản khắc gỗ, phát hành vào khoảng thời Minh Mạng và Thiệu Trị ... B - **Kinh bản** là bản sao lại ở trong Kinh ... C - **Cận bản** là những bản mới của các nhà gần đây. Loại này có tới hơn một chục, song đều là nhiều điểm ngắn ít điểm dài” [10] (trang 57, 58).

Đoạn này Chiêm Vân Thị viết không rành ròi. Ở trên có nhắc đến Phường bản, nhưng khi phân loại chỉ chia ba, trong đó không có Phường bản và vì vậy nó không được định nghĩa. Khi chú, ông thường nhắc đến cả 4 loại, có cả Phường bản. Với ba (hoặc bốn) loại văn bản trên: Phường, cổ, Kinh, cận, ta có thể có hai cách hiểu: Một là, “cận bản” là “phường bản” và đến đây đã có đến 10 bản. Hai là, “cận bản” khác “Phường bản”, khả năng này nhiều hơn, vậy nếu kể thêm 4, 5 bản Phường mà Kiều Oánh Mậu nhắc đến, thì đến khi Chiêm Vân Thị soạn sách đã có khoảng 15 bản *Kiều* được in. Khi Kiều Oánh Mậu làm bản *Kiều* của mình vào năm 1902 đã có 4, 5 bản Phường, đến Chu Mạnh Trinh vào năm 1906 ta có thêm 1 bản Phường nữa (nếu có thể coi như vậy), vậy mà đến Chiêm Vân Thị đã có 10 - 15 bản, thế thì ta có thể đoán rằng Chiêm Vân Thị soạn cuốn sách của mình sớm nhất là vào khoảng 1915 đến 1920 gì đó, rất xa thời những bản Nôm khắc in đầu tiên. Nếu lúc đó ông 50 tuổi thì cuốn *Liễu Văn Đường 1866*, là bản in sớm nhất mà đến nay ta được biết, thì khi ông được đọc thừa nhỏ (vào khoảng năm 1890) đã xứng đáng là cổ bản rồi, chỉ có điều là ông không còn bản đó trong tay, nếu không ông đã có thể biết chính xác năm khắc in mà không phải đặt nó trong một cái khung rất rộng là 28 năm (1820-1847).

Chiêm Vân Thị viết: “Cổ bản là bản khắc gỗ, phát hành vào khoảng thời Minh Mạng và Thiệu Trị, Cổ bản cách lúc sinh thời Hồng Sơn (Nguyễn Du) không xa, khi tôi còn nhỏ tuổi, đã học thuộc lòng, đến nay vẫn nhớ rành mạch ... Bản này có thể gọi là bộ mặt thực của Hồng Sơn tiên sinh vậy ... Nay chuyết bản (bản của Chiêm Vân Thị) đính chánh, duy lấy cổ bản làm tôn” [10] (trang 57).

Qua câu ấy, có thể thấy Chiêm Vân Thị là người không có tác phong nghiên cứu nghiêm túc, chặt chẽ. Ta không rõ ông chia ra ba hay bốn loại văn bản; cổ bản mà ông dùng chắc là không còn trong tay mà chỉ do nhớ thuộc lòng. Thời Minh Mạng (1820-1840), Thiệu Trị (1841-1847) kéo dài 28 năm mà ông cũng không biết cổ bản mình dùng để lấy “làm tôn” khắc in năm nào, thậm chí không phân biệt được dứt khoát nó vào thời Minh Mạng hay thời Thiệu Trị. Việc mô tả mập mờ như vậy khiến ta không thể tin ông được. Có thể ông chỉ thuộc lòng một bản khắc in sớm nào đó, chẳng hạn bản *Liễu Văn Đường 1866* mà đến đây, nhớ lại, ông cho là vào thời Minh Mạng hay Thiệu Trị gì đó và gọi là “cổ bản”.

Chiêm Vân Thị viết: “Công việc đính chánh của chuyết bản (bản Chiêm Vân Thị), cố ý muốn giữ lại sự thực của cổ nhân, chứ không phải là tự khoe tài năng. Bởi thế cho nên gập chữ nào làm mà các bản đều chép giống nhau cả, thì tuy biết đích là đáng sửa, cũng vẫn chép đúng nguyên văn, rồi tường chú ở dưới là, chữ này nên đổi ra chữ này” [10] (trang 58). Ta không rõ “nguyên văn” đây là ở bản nào? Khi hiệu đính, ông thường căn cứ vào “các bản đều chép giống nhau” mà theo, chứ không “lấy cổ bản làm tôn” như ông đã viết, nhiều chỗ ông còn theo “Kinh bản”. Đó là sự không chặt chẽ, không nhất quán, không khoa học. Vậy nên, “cổ bản” mà ông nhắc đến dường như chỉ là một sự khoa trương. Rất khó tin cách viết, cách làm của ông.

3. Chiêm Vân Thị nhận xét về Vũ Trinh và Nguyễn Lượng có đúng không, có khách quan không?

Để cho khách quan, và cũng là để khỏi phải tự mình khảo cứu để đánh giá 2 nhà bình *Kiều* lớp đầu tiên này, chúng tôi xin lược trích vài đoạn trong *Lời bình phẩm Đoạn trường tân thanh của Vũ Trinh và Nguyễn Lượng* của PGS Trần Thị Băng Thanh [11]. Kỹ yếu Hội thảo chưa in, song, chúng tôi cũng xin phép được dẫn vài ý. Bà đã phân tích và đánh giá chính xác những lời bình này:

“Khác với các tác giả (nhà bình luận - LTL chú) Mộng Liên Đường Chủ nhân, Phạm Quý Thích, Nguyễn Văn Thắng ... “... thường qua những bài thơ vịnh hay những bài *Tựa* viết về *Truyện Kiều* mà bộc lộ cách nhìn, chính kiến của mình đối với tác phẩm”; Vũ Trinh và Nguyễn Lượng đã đi sâu vào tác phẩm để không chỉ bộc lộ cách nhìn, chính kiến mà còn phẩm bình về tài nghệ của tác giả. Có thể nói *Vũ Trinh và Nguyễn Lượng rất quan tâm đến những vấn đề nghệ thuật, đặc biệt là bút pháp miêu tả nhân vật, tâm lý nhân vật ...*

Khoảng 30/50 câu phẩm bình dành cho Thúy Kiều và những sự kiện liên quan đến nàng chứng tỏ “biệt nhãn” của hai nhà phẩm bình đối với nhân vật này và cũng chứng tỏ sự tinh tế của các ông trong thưởng thức nghệ thuật ...

Những lời bình ... rất tinh tế và giàu chất mỹ cảm, hai nhà phẩm bình chủ yếu nhận xét tài miêu tả và tự sự của Nguyễn Du ...

Nhà phẩm bình cũng rất chú trọng đến cái xảo diệu của bút pháp tác giả Truyện Kiều ở các đoạn tả những cảnh mà biên giới giữa thực và ảo, giữa ngày và đêm rất mong manh. Chẳng hạn ông khen “tả cảnh thanh minh như vẽ”, tả cảnh sắc mộ Đạm Tiên “trong chiều tà, lời lẽ rất linh động”; hoặc khen câu tả Thúy Kiều sức tinh sau giấc mộng gặp Đạm Tiên: “Trang Sinh hoá làm bướm bướm chăng? Hay là bướm bướm hoá làm Trang Sinh? Mơ màng thực là kỳ diệu!”. Tuy vậy hai nhà phẩm bình dành nhiều ý tứ hơn trong phần này là ở những đoạn miêu tả những gì liên quan đến tâm lý nhân vật. Hầu như hai ông đã khơi gợi đến khá nhiều chỗ mà sau này các nhà nghiên cứu hiện đại quan tâm, ví như tình huống lúc trao duyên, những lần Kiều nhớ nhà, nhớ Kim Trọng, cảnh chia tay với Thúc Sinh, cảnh đoàn viên và năm lần Kiều đánh đàn. Điều rất lý thú là ý kiến của hai ông rất gần gũi với nhiều nhà bình luận, học giả thời nay ...

Riêng những nhận xét về nghệ thuật miêu tả tiếng đàn của Kiều, ý kiến hai nhà phẩm bình cũng khá đầy đủ và sâu sắc ...

Có thể nói Vũ Trinh và Nguyễn Lượng đã nghĩ ngợi và “chạm” tới những vấn đề nghệ thuật khá quan trọng và lý thú mà các nhà Kiều học hàng trăm năm sau cũng không thể không bàn bực tới” [11].

Cũng cần thấy rằng Nguyễn Hữu Lập, Đào Nguyên Phổ, Kiều Oánh Mậu ... là những người học rộng, có tên tuổi rõ ràng đã từng đọc những lời phê này, đánh giá cao chúng nên đã đưa vào sách mà họ chép hoặc biên tập để in và họ sống không quá xa thời của Vũ Trinh và Nguyễn Lượng như Chiêm Vân Thị để có thể bị lừa bởi một kẻ mạo danh hai người bạn này của Nguyễn Du.

Vũ Đức Phúc có nhận xét:

“Chiêm Vân Thị, người soạn bản *Thủy Kiều truyện tường chú*, vốn là người tin ở bói toán và thích bói chiết tự nên đề ra thuyết Hội chân về *Truyện Kiều*. Ông ta chịu ảnh hưởng bộ *Bạch hổ thông nghĩa* của Ban Cố, nên rất ưa bói chiết tự, không phải là người có đầu óc nghiên cứu gì ... Chiêm Vân Thị chẳng qua ghét người ta mà chửi bậy đó thôi, phải đâu đó là chúng có sử học để Nguyễn Quang Tuân dựa vào mà bác bỏ lý lẽ rất vững chắc của Hoàng Xuân Hãn? Tin vào loại tài liệu như vậy là hoàn toàn thiếu khả năng nghiên cứu và chỉ làm cho người đọc lầm lẫn” [1] (trang 386).

4. Bàn về nhận xét của chính ông Nguyễn Quang Tuân về Vũ Trinh và Nguyễn Lượng.

Ông Nguyễn Quang Tuân viết: “Các lời phê bình ấy (của Vũ Trinh và Nguyễn Lượng) cũng chỉ nói về nội dung câu chuyện chứ không đề cập gì đến lời thơ của Nguyễn Du nên thực chất chẳng có ý nghĩa gì” [7] (trang 237, 238).

Chính ông Nguyễn Quang Tuân đã dịch các lời bình đó ở bản Nguyễn Hữu Lập [8] vậy mà chỉ để giải thích cho được Nguyễn Du viết *Kiều* vào năm 1814, ông đã không khách quan mà nỡ nhận xét xấu về những lời bình này. Ông cho rằng 2 vị “không đề cập gì đến lời thơ”. Điều đó là không đúng. Qua những dòng nhận xét của PGS Trần Thị Băng Thanh chúng ta có thể thấy chẳng những họ Vũ và họ Nguyễn có nhiều lời bình về bút pháp, nghệ thuật tả cảnh, tả tình, tả tâm lý nhân vật (mà chúng tôi đã cho in nghiêng) của Nguyễn Du, mà theo PGS Thanh thì những lời bình này rất sắc sảo, độc đáo, nhiều lời đi trước các nhà phê bình ngày nay. Độc giả cũng có thể đọc những lời phê bình này qua bản dịch của ông Nguyễn Quang Tuân để tự đánh giá.

Chúng tôi nêu một thí dụ: Ở đoạn tả Kiều đánh đàn lần đầu trong đêm thề nguyện với Kim Trọng, các câu từ 473 đến 488, một trong hai ông bình:

“*Dẫn cung, khắc vĩ, dương thương, khích chủy*, tả hết cái diệu kỳ của thanh âm. Chẳng cần về sau lại có mấy chương, lời văn kỳ diệu nói về chuyện nghe đàn, thật là cái tài làm cho người ta kinh ngạc, cái khéo tuyệt kỳ!”

Đó chẳng phải là những lời bình phẩm xác đáng về nghệ thuật tả tiếng đàn của Nguyễn Du sao? PGS Băng Thanh nhận xét: “Những nhận xét về nghệ thuật miêu tả tiếng đàn của Kiều, ý kiến hai nhà phẩm bình cũng khá đầy đủ và sâu sắc ... , với ưu thế là người cùng thời với Nguyễn Du, có sự am tường âm nhạc cổ đại, hai nhà bình phẩm đã có một số ý kiến trực tiếp bình về nghệ thuật âm nhạc, một điều không phải thế mạnh đối với các nhà bình luận *Truyện Kiều* hiện đại ...” [11].

Ngay cái ý chính của ông Tuân: “Các lời bình ấy ... chỉ nói về nội dung câu chuyện ... nên thực chất chẳng có ý nghĩa gì”, cũng không chấp nhận được. Chúng tôi thấy không cần bàn về ý này nữa.

IV. CÁC CHỨNG CỨ PHỦ ĐỊNH TRUYỆN KIỀU ĐƯỢC VIẾT VÀO THỜI NGUYỄN

1. Có thể hiểu hai chữ “hành thể” như thế nào?

“Hành thế” là lưu truyền trong đời, tức là đến lúc đó được mọi người biết đến. Người viết *Liệt truyện* vào năm 1852, chỉ muốn thông báo rằng Nguyễn Du có viết quyển truyện đó. Theo chúng tôi có thể việc phổ biến rộng rãi cuốn *Truyện Kiều* chỉ xảy ra sau khi tác giả mất một vài năm, để tránh án văn tự.

Với cách hiểu đó, từ năm 1998, Vũ Đức Phúc viết:

“Tuy nhiên theo tôi cho rằng cũng không cần bác bỏ *Liệt truyện* hay *Gia phả*, vì hành thế không có nghĩa là sáng tác” [1] (trang 409).

“Ừ thì có thể tin vào *Đại Nam thực lục chính biên liệt truyện* hoặc *Gia phả*, nhưng “hành thế” có nghĩa là “viết ra”, “sáng tác”? Từ lúc viết ra được *Truyện Kiều* đến lúc nó được “hành thế” thì còn xa lắm, ngay trong thời đại tin học này cũng phải đến dăm bảy năm!” [1] (trang 386).

“Nếu Nguyễn Du sáng tác *Truyện Kiều* vào thời Tây Sơn, có chứng cứ rõ ràng, thì khi làm quan với triều Nguyễn chỉ cần thanh minh với Gia Long là: “Thần viết chuyện này đã lâu, theo truyện Trung Quốc mà thôi”. Chứ khi đi sứ về mới vội vàng sáng tác, vội vàng truyền bá, lại đề rõ tên mình, tên Phạm Quý Thích, thì tất có những kẻ hiểu sự sẽ tâng công, bới móc những đoạn viết về Từ Hải chẳng hạn, và hai ông và gia đình sẽ bị Gia Long, Minh Mạng chém cổ ngay lập tức” [1] (trang 387).

2. Không nên một mực, nhất nhất tin theo chính sử.

Ngay từ năm 1943, GS Đào Duy Anh đã có cái nhìn đó, ông viết:

“Sách *Liệt truyện* nói rằng Nguyễn Du đi sứ về thì có *Bắc hành thi tập* và *Thúy Kiều truyện* hành thế. Nhưng sách *Liệt truyện sơ tập* soạn ở đời Tự Đức, sau năm Tự Đức thứ 5, tức là sau khi Nguyễn Du chết 30 năm, cũng có thể chép sai được (*Thực lục* cũng còn có chỗ chép sai, hướng là *Liệt truyện*). Chữ *Thúy Kiều truyện* (tên gọi tục) và chữ *Bắc hành thi tập* các sử thần dùng đó, tỏ rằng họ chỉ bằng vào khẩu truyền nên mới chép những tên sách gọi tục ấy, chứ không chép tên chính là *Bắc hành tạp lục* và *Đoạn trường tân thanh*. Như thế thì sách *Liệt truyện*, tuy là quốc sử, cũng không đủ cho ta tin” [9] (trang 26).

Dù có hiểu chữ “hành thế” là soạn thảo, là trước tác thì vẫn phải dùng các cứ liệu khác để kiểm chứng lại tính xác thực của thông tin này.

Chúng tôi có kinh nghiệm khi khảo cứu lịch sử nhà Mạc, chúng tôi phát hiện ra *Đại Việt sử ký toàn thư* (quốc sử) ghi tháng sinh của Mạc Mậu Hợp sai, sớm lên 26 tháng, khiến ông vua này “bị đưa lên ngôi” trước khi sinh ra 14 tháng; trong khi đó *Đại Việt thông sử* của Lê Quý Đôn (một tư gia) chép đúng. Các chứng cứ cho phát hiện này là 60 tấm bia của nhà Mạc có ghi cả niên hiệu và niên thứ, 22 khoa thi được ghi trong *Đăng khoa lục*, ba chân đèn có minh văn và dòng lạc khoản trên chuỗi một ấn tín. Hậu quả lớn là 8 niên hiệu của nhà Mạc từ Cảnh Lịch đến Hồng Ninh đều bị các sử sách ghi sai; các khung niên biểu sai đó dẫn đến 53 niên đại ghi các sự kiện trong khoảng thời gian này trong *Đại Việt sử ký toàn thư* bị chép sai theo. Chúng tôi có đến chục bài báo đã công bố liên quan đến việc này, chẳng hạn bài *Dùng văn bia để xác định lại một vài niên hiệu của nhà Mạc* [12].

Bởi thế: “Tận tín thư bất như vô thư”.

3. *Kim Vân Kiều truyện* của Thanh Tâm Tài Nhân vào nước ta từ lâu.

Nguyễn Hoàng Sơn cho biết:

“Theo Trần Ích Nguyên “Năm thứ 19 niên hiệu Càn Long đời Thanh (1754), truyện (*Kiều*) được đưa sang Nhật Bản” ... chẳng lẽ các nhà Nho ta phải đợi đến năm 1813. Đọc sách “*Lan Trì kiến văn lục*” của Vũ Trinh (1759-1828) ... thì biết *Kim Vân Kiều truyện* đã vào nước ta muộn nhất là khoảng 1793-1794 là năm Vũ Trinh viết xong sách này. Chứng cứ là ở lời bàn cuối truyện “*Liên Hồ quận quân*” (tr 133) Vũ Trinh nhắc đến Thúy Kiều: “... Thúy Kiều gieo mình sông lớn” ... vậy thì có thể đoán chắc là Nguyễn Du cũng được tiếp cận với *Kim Vân Kiều truyện* không muộn hơn Vũ Trinh (cùng với Nguyễn Lượng 1768-1817 {đúng ra là 1807 - LTL}) là tác giả những lời bình bên lề bản *Kiều* 1870” [13].

Như vậy, Nguyễn Du đã có thể tiếp xúc với tác phẩm này từ trước thời Nguyễn.

Không lẽ chỉ nhờ chuyến đi sứ, Nguyễn Du mới được tiếp xúc với *Kim Vân Kiều truyện* của Thanh Tâm Tài Nhân và ngay sau đó viết *Đoạn trường tân thanh*? Khó tin rằng Nguyễn Du viết nhanh như vậy, và càng khó tin ông cần rất ít thời gian để thâm thấu nguyên tác, để biến nó thành của mình để có thể chuyển tải một mạch thành một áng thơ dài tuyệt tác như vậy.

Theo PGS Thạch Giang thì, có thể trong chuyến đi sứ năm 1763, Thám hoa Nguyễn Huy Oánh đã mang *Hoa tiên* và *Kim Vân Kiều truyện* từ Trung Quốc về tàng trữ tại Phúc Giang thư viện. Nhờ đó Nguyễn Huy Hổ có điều kiện viết *Hoa tiên*, Nguyễn Du do lui tới Phúc Giang thư viện học tập, nẫu sử sôi kinh nên được đọc *Kim Vân Kiều truyện* mà sáng tác *Truyện Kiều*” [14] (trang 75, 76).

4. Nguyễn Du bị bạc đầu rất sớm, cùng lúc viết *Truyện Kiều*.

Ông Nguyễn Quảng Tuân có nhắc đến chuyện Nguyễn Du bị bạc đầu do viết *Kiều*. Thực ra đó chính là một bằng chứng về việc cụ viết *Kiều* khi còn trẻ.

Học giả Hoàng Xuân Hãn có viết:

“Theo lời truyền chính ở xứ Nghệ, hồi nhỏ các cụ tôi kể chuyện lại là lúc cụ đương hàn vi, cụ viết *Truyện Kiều*, họ kể rằng cụ chỉ viết một đêm là xong. Viết xong rồi, sáng dậy cụ bạc đầu. Chuyện bạc đầu thì sự thực có nhẽ cụ bạc đầu lúc 30 tuổi. Trong thơ, cụ có chừng 20 bài thơ luôn luôn nói chuyện bạc đầu. Cái ấy thì chắc chắn” [1] (trang 250).

Chúng tôi thấy, ngay những trang đầu cuốn *Nguyễn Du toàn tập*, tập 2, chính GS Mai Quốc Liên và ông Nguyễn Quảng Tuân đã cho biết điều đó. GS Mai Quốc Liên viết:

“Trong “mười năm gió bụi” ... nhưng bây giờ đầu đã bạc rồi: “*Trắng sữ bạc đầu bi hương thiên!*” ...

Trong bài *Mạn hứng* - bài này làm lúc ông ba mươi, ông than: “*Hư danh vị phóng bạch đầu nhân*”. Hàng chục lần ông nhắc lại như thế”. [15] (trang 8,9).

Ngay 3 trong số 4 bài thơ đầu tiên ở tập này, thời cụ còn trẻ, đã nói đến chuyện bạc đầu.

Bài 1, chính ông Nguyễn Quang Tuân dịch: “Đầu bạc công danh giận tháng ngày” (trang 27) và chú :”... Nguyễn Du có thể nói mình đã lưu lạc 30 năm nơi chân trời góc bể ... không trờ đi vào đó những ngày vàng son ...”.

Bài 3: Ông Tuân cũng dịch: “Phơ phơ tóc bạc gió chiều bay” (trang 32).

Bài 4: Càng rõ hơn về cái tuổi 30 của cụ, nhà thơ Ngô Linh Ngọc dịch: “Tấm thân sáu thước, tuổi ba mươi ... Đắp đổi xuân thu tóc bạc rồi!” [15] (trang 34).

Ba mươi tuổi tóc đã bạc, chẳng lẽ rồi sau lại xanh, để đến 50 tuổi, ngồi viết *Truyện Kiều* chỉ sau 1 đêm, tóc lại bạc một lần nữa, !!!

5. Trong *Truyện Kiều* có những câu “nghịch ngôn” dễ bị án văn tự.

Trương Chính vào năm 1963 [16] và Nguyễn Khắc Bảo vào năm 2000 cũng đã viết điều này [17]. Có thể lấy nhiều câu liên quan đến nhân vật Từ Hải làm thí dụ.

“Bó thân về với triều đình

Hàng thân lơ lảo phận mình ra đâu?”

“Chọc trời khuấy nước mặc dầu

Đọc ngang nào biết trên đầu có ai” [16].

Những câu này chỉ có thể được sáng tác trước thời Nguyễn.

6. Trong bản *Liễu Văn Đường 1871*, còn sót lại những trọng húy thời Nguyễn.

Năm 2000, Ông Nguyễn Khắc Bảo đã thấy bản *Liễu Văn Đường 1871* còn sót các chữ đáng lẽ phải kiêng dưới thời Nguyễn:

“Câu 853: Tuồng chi là giống (種) hôi tanh

Câu 1310: Thang lan (蘭) rủ bức trướng hồng tằm hoa

Câu 2750: Cỏ lan (蘭) mặt đất rêu phong dẫu giày

Trong đó những chữ Chung (種) là tên vua Gia Long hồi nhỏ, và chữ Lan (蘭) là tên mẹ cả của vua Gia Long tức Huy Gia từ phi” [17].

Chữ CHUNG là trọng húy, lệnh cấm kéo dài suốt cả thời Nguyễn. Chữ LAN năm 1803 cấm dùng, đổi thành “huong”; từ năm 1825 viết thêm ba dấu móc ở trên, năm 1833 làm văn được phép dùng [18]. Nếu chỉ mấy chữ LAN viết không kiêng húy thì không thuyết phục, vì còn có một vài bản cũng còn những chữ LAN không kiêng húy, như bản Quan Văn Đường, bản Kiều Óanh Mậu. Điều đó có thể được giải thích là chúng đã từng được sửa đi thành HUÔNG khi phải kiêng, rồi có thể được sửa lại thành LAN khi giảm mức kiêng kỵ.

Có thể nói thêm rằng bản Abel des Michels do Trần Nguơn Hanh chép ở Nam Kỳ nên không kiêng húy chữ CHUNG (ở các câu 853, 1728, 1194) và bản Kiều Óanh Mậu in ở Bắc đầu thế kỷ 20 cũng chủ trương không kiêng húy (ở các câu 1728, 2066, 2097) [19] (trang 102).

Chỉ có chữ CHUNG ở câu 853 bản LVD 1871 là có sức thuyết phục, có thể trải qua nhiều lần sửa chữa, sao chép mà vẫn còn sót lại từ ngày Nguyễn Du sáng tác *Truyện Kiều* trước thời Nguyễn.

7. Không thể tin việc có kẻ thác lời Vũ Trinh, Nguyễn Lượng.

Kẻ nào muốn thác lời các ông ít nhất cũng phải đợi các ông mồ yên mả đẹp, nghĩa là cũng phải sau cái năm 1828 là năm Vũ Trinh mất khá lâu, để con cháu các ông ấy không vạch ra sự man trá này. Và để cho các vị quan trong triều và các vị túc Nho thời ấy, trong đó có Nguyễn Hữu Lập (1824-1874), Đào Nguyên Phổ, Kiều Oánh Mậu ... bị lừa thì cũng phải tung “man thư” này ra trước khi các vị đó biết đọc, biết viết khá lâu, chẳng hạn vào năm Nguyễn Hữu Lập 10-15 tuổi gì đó. Kẻ “nặc danh” này phải “ranh mãnh” lắm: bịa ra bao nhiêu lời bình; lại phải chia những lời đó làm hai, phân cho hai ông; lại phải tung ra đúng lúc ... Có lẽ không ai rồi hơi làm được việc đó.

Chẳng lẽ có việc đó mà các vị quan trong triều sống rất gần lúc ấy bị lừa, mà rồi sáu, bảy chục năm sau Chiêm Vân Thị phát hiện được sự gian trá đó ??? !!!

Chỉ có ngây thơ lắm, ta mới có thể tin được điều này.

8. Nguyễn Lượng, người bình chú *Truyện Kiều* mất năm 1807.

Trong câu trả lời phỏng vấn bà Thụy Khuê ở đài R.F.I, năm 1996, Học giả Hoàng Xuân Hãn đã nói:

“Ông Nguyễn Thành (do nói bộ, khi trả lời phỏng vấn, Học giả nói nhịu, đúng ra là Nguyễn Lượng - LTL)... bị chết vào độ 1807 thì phải, nếu tôi nhớ không lầm. Vì có sự phê bình của các ông ấy thì biết rằng *Truyện Kiều* được viết đầu đời Gia Long hoặc trước đời Gia Long” [1] (trang 248).

Gần đây PGS Ngô Đức Thọ có đọc thấy *Đại Nam nhất thống chí* viết rằng Nguyễn Lượng đi dẹp loạn, bị chết đúng vào năm 1807, như Học giả Hoàng Xuân Hãn nói. Điều đó cho thấy *Truyện Kiều* xong đã lâu, để Nguyễn Lượng kịp bình phẩm.

9. Trong lời bình của của Nguyễn Lượng bằng chữ Hán có chữ CHỪNG.

Phan Thanh Sơn, Hà Thị Tuệ Thành có nhắc đến: “Ở bản Kiều Oánh Mậu, trang có các câu từ 3181 đến 3190 đoạn Kim Kiều tái hợp có ghi lời của Nguyễn Lượng trong đó có dùng 4 chữ “bách chủng hoan ngu”. Nguyễn Lượng dám viết chữ CHỪNG chứng tỏ ông viết lời bình này trước khi Gia Long lên ngôi vì sau khi Gia Long lên ngôi, năm 1803, triều đình đã ban bố lệnh cấm dùng chữ CHỪNG, khi viết phải thay CHỪNG bằng THỰC” [20].

Để thấy rõ hơn chỗ này, chúng tôi mượn bản thảo cuốn *Đoạn trường tân thanh* (của Kiều Oánh Mậu) do PGS Đào Thái Tôn phiên âm, dịch, chú (đã chuẩn bị in bởi Nxb Văn học vào cuối thế kỷ trước, rồi ông Tôn lại hủy bỏ việc in này vì sau khi đọc bài của Học giả Hoàng Xuân Hãn ông thấy cần xem lại giá trị của bản KOM). Ở đó viết: “Nhị nhân phục nhập tú vi, bách chủng hoan ngu, chỉ bất ngôn vân vũ sự. Thử Kiều toàn tiết xứ diệc văn chương tam muội xứ. Nguyễn phê = Hai người lại vào nơi màn gấm, thật là muôn nỗi mừng vui, chỉ khác là không nói gì đến sự “vân vũ” trong buồng the. Đây là chỗ nói rõ được khi tiết của Thúy Kiều mà cũng là ba chỗ sâu kín tinh diệu của văn chương Nguyễn Du. Trên đây là lời phê của Nguyễn Lượng”.

Vì bản Nguyễn Hữu Lập bị sửa nát như chúng tôi đã phân tích [21], nên chúng ta không biết thật sự Nguyễn Hữu Lập đã chép đoạn này như thế nào. Ông Nguyễn Bá Triệu thì viết rằng ông đã xóa mọi câu bình chú đi, nên ta không thể dựa vào đó được. Ông Nguyễn Quảng Tuân bảo vẫn giữ nguyên, nhưng phần chữ Hán không hiểu sao chỉ còn đoạn sau: “Thử Thúy Kiều chi toàn tiết xú diệc văn chương chi tam muội”, tuy vậy trong phần phiên âm và dịch của ông Tuân vẫn ghi đủ được cả đoạn trên: “Nhị nhân phục nhập tú vi bách chủng khoái ngu”, xuất nhập chỉ khác đôi chữ, chẳng hạn chữ “hoan” được thay bằng chữ “khoái” và dịch thành: “Hai người lại vào trong màn vui mọi cách khoái lạc chỉ không nói đến chuyện mây mưa. Thúy Kiều đã giữ được toàn tiết. Văn chương như vậy thật là diệu ảo” [8] (trang 505).

Ở đây ta lại thấy thêm một cứ liệu về việc bản Nguyễn Hữu Lập bị sửa nát như thế nào! Phải chăng sau khi phiên âm và dịch xong, ông Tuân đã lỡ tay xóa mất đoạn có chữ CHỪNG?

Cứ như câu văn này, để diễn đạt ý ấy, thiếu gì cách viết, không nhất thiết phải viết đoạn văn chữ Hán BÁCH CHỪNG HOAN NGU. Lời bình này phải được Nguyễn Lượng viết trước năm 1802. Còn như, nếu cho rằng người khác thác lời Nguyễn Lượng mà viết, thì vào giai đoạn đó, tất họ cũng phải biết lệnh kiêng húy để dùng một cách khác diễn đạt ý này.

Khi soạn sách, Kiều Oánh Mậu viết đảo về chữ CHỪNG chỉ là cách biên tập của ông mà thôi.

10. Sự truyền nối liên tục của một dòng văn.

Đến nay, hầu như ai cũng thừa nhận một sự truyền nối của quá trình mô phỏng liên tục như sau: *Truyện Kiều* được hoàn thành trước nhất; sau đó Nguyễn Thiện theo văn *Kiều* mà nhuận sắc *Hoa tiên*, và cuối cùng Nguyễn Huy Hồ theo văn *Hoa tiên* mà viết *Mai đình mộng ký*. Tác phẩm sau cùng hoàn thành vào năm 1809. Giáo sư Nguyễn Tài Cẩn đã chứng minh rằng *Hoa tiên*, tác phẩm thứ hai được nhuận sắc trong khoảng mười năm cuối thế kỷ 18 [22]. Đây cũng là lý do để ta tin rằng *Truyện Kiều*, tác phẩm đầu tiên phải được viết trước đó mấy năm.

11. Về thắc mắc của ông Nguyễn Quảng Tuân rằng: sao những năm đầu nhà Nguyễn không có ai bình *Truyện Kiều*.

Do *Truyện Kiều* có những câu “nghịch ngôn”, nên đến thời Nguyễn - một triều đại chuyên chế, Nguyễn Du muốn giấu tác phẩm này đi, nó chỉ được lưu giữ ở nơi những người rất thân, và mọi người đều giấu đi, như muốn quên sự tồn tại của nó, chưa lưu truyền rộng ra, và cũng vì thế **lúc cụ còn tại thế ở thời Nguyễn không ai dám bình phẩm gì tác phẩm này**. Có lẽ cũng vì đã trót viết truyện này, Nguyễn Du sống rụt rè không muốn bị mọi người chú ý, sinh lòng ghen ghét mà bới móc ra. Bởi thế cụ sống: “đôi với nhà vua thì ông chỉ giữ hết bản phận, chứ không hay nói năng điều gì”.

Vũ Đức Phúc viết: “Sau khi Nguyễn Du đã ra làm quan rồi, chức tước lại rất cao và đã trót viết *Truyện Kiều*, thì Nguyễn Du chỉ còn cách “thủ khẩu như bình”, mặc cho Gia Long mắng mỏ, như thế thì mới sống yên lành được. Nếu cho rằng đến lúc ấy (sau khi đi sứ về - LTL chú)

Nguyễn Du mới viết và công bố với những câu thơ (nghịch ngôn - LTL chú) như trên thì thực hết sức vô lý” [1] (trang 387).

Khi tác giả tại thế, *Truyện Kiều* chưa lưu hành, và chưa biết đến bao giờ mới được lưu hành, nên cụ Nguyễn Du than: “Bất tri tam bách dự niên hậu / Thiên hạ hà nhân khắp Tố Như”. Lời than ấy không phải dành cho bản thân, mà còn dành cho đứa con tinh thần của mình - *Truyện Kiều*.

Khi Nguyễn Du mất, nhà vua cho người về phúng viếng và lấy đi toàn bộ giấy tờ của cụ, tất nhiên trong đó có *Truyện Kiều*. Chúng tôi cho rằng, sau đó, khi không thấy chuyện gì rắc rối xảy ra; thân nhân và bạn bè cụ mới dần dần sao chép và đem tác phẩm này truyền ra rộng rãi. Lúc đó *Truyện Kiều* mới “hành thế”.

V. ĐÔI DÒNG VIẾT THÊM

1. Ông Nguyễn Quảng Tuân là người có định kiến, thường rất khó lay chuyển thuyết phục được ông. Ngay như cái thuyết Phạm Quý Thích đem in *Truyện Kiều* nay chẳng còn mấy ai tin, ông vẫn một mực coi là thật. Chỉ đối với thuyết Tự Đức cho in *Truyện Kiều* dần dần ông có thay đổi nhận định một chút. Vào năm 1996, ông viết một cách khẳng định trong *Tổng tập văn học Việt Nam*: “Đời Tự Đức (1858 [đúng ra là 1848 - LTL]- 1883) nhà vua và một số đình thần có sửa chữa lại quyền *Truyện Kiều* và cho khắc in ở kinh đô (Huế) nên bản ấy được gọi là bản Kinh” [1] (trang 308).

Năm 1997, trong bài “*Một vài nhận xét về việc nghiên cứu Truyện Kiều của cố học giả Hoàng Xuân Hãn*” trên Tạp chí *Văn học* số 6, năm 1997, ông nhấn mạnh “Nhà vua (Tự Đức) đã phải cho tìm ở nhà Phạm Quý Thích và may mắn đã tìm được một bản để về cho **khắc in** lại (Ngẫu ư cổ lục đặc toàn giản, truyền thần tả chiếu tương trùng thuyên).

Bản cho **khắc in** lại này có thể là bản Kinh mà Đào Nguyên Phổ đã đem về tặng cho Kiều Oánh Mậu” [1] (trang 286).

Đến năm 2003, khi cho in bản *Kiều Nôm* do Nguyễn Hữu Lập chép, ông đã thay đổi cách nhìn và viết: “Bản Kinh, theo lời truyền, là bản *Truyện Kiều* đã được vua Tự Đức và một số đình thần sửa lại nhưng không biết đã được cho khắc ván in hay chưa? **Chắc là chưa** vì trong bài *Tựa quyền Đoạn trường tân thanh*, do Kiều Oánh Mậu hiệu khảo (1902), Đào Nguyên Phổ có cho biết rằng “truyện giai nhân diễn thành giai tác, lại đượm hương trời càng là thêm vẻ, nên chỉ người ngâm vịnh quý hơn được ngọc bích, tranh nhau sao chép, đến nỗi giá giấy đắt như giấy quý Lạc Đô” [8] (trang 8).

Về sau, trong bài “*Trả lời ông Đào Thái Tôn về bài Giá trị đích thực của bản Truyện Kiều do Lâm Nọa Phu chép tay năm 1870*” trên *Kiến thức ngày nay* số 476, ngày 1-11-2003, ông khẳng định: “Từ trước đến nay ta vẫn quen gọi các bản *Kiều nôm* in ở phường hàng Gai Hà Nội là bản Phường và các bản *Kiều nôm chép tay* ở kinh đô Huế là bản Kinh” [7] (trang 315).

Sự thay đổi lập trường của ông nhằm mang lại thuận tiện cho việc đề cao giá trị của bản *Kiều Nôm* do Nguyễn Hữu Lập chép mà ông sưu tầm và công bố, bởi vì nếu có bản Kinh do Tự Đức cho in thì bản ấy sẽ là bản Kinh duy nhất và bản chép tay của Nguyễn Hữu Lập đâu còn giá trị gì và cũng không thể được gọi là một bản Kinh nữa.

2. Kinh nghiệm cho thấy, tranh luận với ông Nguyễn Quảng Tuân thường khó dứt điểm được. Bởi thế thực sự chúng tôi không muốn tranh luận làm gì, ở đây chúng tôi chỉ muốn trình bày với độc giả một hệ thống các ý kiến của mọi nhà để độc giả có sẵn tư liệu mà rộng đường suy xét.

Khi viết *Về tờ bìa bản Kiều Nôm do Nguyễn Hữu Lập chép*, chúng tôi đã dẫn lá thư của ông Đàm Quang Hưng đề ngày 21-9-2000, mà ông Tuân đã công bố trong bài viết trên Văn nghệ, số 35+36 (2-9-2004) [23] (trang 19):

“Mấy trang đầu quyển *Đoạn trường tân thanh* bị một ăn thủng làm nát thành nhiều mảnh. Chúng tôi cố gắng ghép các mảnh vụn ấy lại với nhau cho ngay ngắn, đem đi photocopy với mục đích tái tạo những chữ viết ở ngoài bìa vì thế tờ bìa trong bản photocopy biểu thầy có thể là không đúng 100% với nguyên bản” [24] (trang 73).

Khi trả lời chúng tôi, ông lại tung ra một lá thư của ông Đàm Quang Hưng, cũng đề ngày 21-9-2000, nhưng với nội dung hoàn toàn khác:

“Ba tờ đầu cuốn sách bị rách tả tơi thành nhiều mảnh vụn. Chúng tôi cố gắng ghép các mảnh vụn ấy lại với nhau cho ngay ngắn, **đọc những chữ ấy ngoài bìa sách, trích những chữ ấy từ những đoạn khác nhau ở bên trong cuốn sách**, đem đi photocopy rồi dán lại với mục đích tái tạo những chữ viết ở ngoài bìa. Vì thế tờ bìa trong bản photocopy biểu thầy có thể là không đúng 100% với nguyên bản” [25] (trang 68).

Nội dung lá thư công bố lần thứ hai khác hẳn, nhất là 2 đoạn được thêm vào mà chúng tôi đem in nghiêng và đậm; ông Tuân viết ra một cách rất tự nhiên! cứ như lần đầu đã viết thế. Nếu ai chỉ đọc lướt qua bài trả lời, không đối chiếu với nội dung ông công bố lần trước [23] thì khó thấy sự sai khác nay, cứ tưởng ông đã thông báo như thế từ lâu. Ban biên tập có nhắc chúng tôi trả lời ông, nhưng lúc đó, chúng tôi thấy không cần thiết, bởi với nội dung của lá thư công bố lần sau đủ để độc giả thấy ông là người bất nhất, không trung thực và điều quan trọng là, cuối cùng ông đã thừa nhận: **100% các chữ ở bìa được công bố không thuộc tờ bìa “rách tả tơi” của bản Nguyễn Hữu Lập**. Đối với chúng tôi, sự thừa nhận của ông như thế là đủ, chúng tôi cũng chỉ muốn thông báo với độc giả rằng tờ bìa đó là của giả.

Trước kia và cả bây giờ, chúng tôi không có ý tranh nói tiếng nói cuối cùng.

3. Lương y Nguyễn Khắc Bảo và một vài độc giả có hỏi chúng tôi: “Sao bác lại viết: “sơ tứ nhật thì lại thành hậu tứ nhật” ở dòng 4 dưới lên, cột 2 trang 77, ở bài *Về tờ bìa ...* [24]”. Có thể ông Nguyễn Quảng Tuân cũng có thắc mắc như vậy, nhưng chưa tiện hỏi. Nhân đây, chúng tôi xin trả lời: “Đó không phải là câu chữ của chúng tôi, mà là của Ban biên tập tạp chí tự ý thêm vào”.

VI. THAY LỜI KẾT

“Mọi con đường đều dẫn đến thành Rôm”. Dường như, bằng các cách tiếp cận khác nhau, ý kiến của hầu hết mọi người đều đã hội tụ vào điểm này: **Truyện Kiều được viết trước thời Nguyễn**. Có thể có một luận chứng nào đó chưa thật thuyết phục, nhưng chỉ cần tin được vào một vài trong những luận chứng trên, thì cũng đã đủ để ta tin vào kết luận đó rồi. Chúng tôi chỉ muốn hệ thống hóa lại các ý kiến của mọi nhà, để độc giả dễ nắm bắt vấn đề. Nếu ai còn cố tình chưa muốn hướng tới đích ấy, thì tất nhiên không thể gặp nhau tại điểm đó được.

Đến giờ, chúng ta có thể hình dung vấn đề như sau:

Kim Vân Kiều truyện của Thanh Tâm Tài Nhân đã vào nước ta vào những năm sáu mươi, bảy mươi của thế kỷ 18. Nhờ đó Nguyễn Du sớm được đọc và theo đó mà viết *Truyện Kiều*. Nguyễn Thiện theo văn *Kiều* mà nhuận sắc *Hoa tiên* vào mười năm cuối thế kỷ 18. Nguyễn Huy Hổ theo văn *Kiều* và văn *Hoa tiên* mà viết *Mai đình mộng ký*, hoàn thành vào năm 1809. *Truyện Kiều* và sau đó là *Hoa tiên* đều được viết trước cái mốc 1802.

TÀI LIỆU DẪN

- [1] Đào Thái Tôn: *Văn bản Truyện Kiều. Nghiên cứu và thảo luận*. Nxb Hội nhà văn. 2001.
- [2] Nguyễn Tài Cẩn: *Có khả năng Truyện Kiều được sáng tác trước đời Gia Long*. T.c. Kiến thức ngày nay. Số 529, ngày 20-4-2005, trang 33-37.
- [3] Nguyễn Tài Cẩn, Ngô Đức Thọ: *Truyện Kiều đã được sáng tác vào năm nào?* Báo Lao động chủ nhật, 3-4-2005, số 92/2005.
- [4] Nguyễn Tài Cẩn, Đào Thái Tôn: *Sự đóng góp của bản Liễu Văn Đường trong việc tìm ra niên đại Truyện Kiều*. Tạp chí Hán Nôm số 3 (70) 2005.
- [5] Nguyễn Quảng Tuân: *Những chữ ký hủy trong bản Liễu Văn Đường đã giúp tìm ra thời điểm Nguyễn Du viết Truyện Kiều vào năm 1814*. Hồn Việt, Tập 4, Nxb Văn học, 2005, trang 261-273.
- [6] Nguyễn Hoàng Sơn: *Hành trình đi sứ của Nguyễn Du và thời điểm sáng tác Truyện Kiều*. Tạp chí Nhà văn số 3-2002. 67-76.
- [7] Nguyễn Quảng Tuân: *Truyện Kiều nghiên cứu & thảo luận*. Nxb Văn hóa. 2004.
- [8] Nguyễn Du. *Truyện Kiều (Đoạn trường tân thanh)*. Bản Kinh đời Tự Đức 1970. Nguyễn Quảng Tuân phiên âm và khảo dị. Nxb Văn học & Trung tâm nghiên cứu quốc học. 2003.
- [9] Đào Duy Anh: *Khảo luận về Truyện Thúy Kiều*. In lần thứ hai. Nxb Văn hóa. 1958.
- [10] Nguyễn Du: *Thúy Kiều truyện tường chú*. Quyển thượng. Chủ đính: Chiêm Vân Thị. Phiên dịch và phụ chú: Trúc Viên Lê Mạnh Liêu. Nha Văn hóa. Bộ Văn hóa giáo dục và thanh niên tái bản, 1973.

- [11] Trần Thị Băng Thanh: *Lời bình phẩm Đoạn trường tân thanh của Vũ Trinh và Nguyễn Lương*. Tham luận tại Hội thảo khoa học “Đại thi hào Nguyễn Du – Danh nhân văn hoá (1765-2005)” ngày 1-12-2005.
- [12] Lê Thành Lân, Trần Ngọc Dũng: *Dùng văn bia để xác định lại một vài niên hiệu của nhà Mạc*. Tạp chí Khảo cổ học. Số 3, 1996, trang 79-96.
- [13] Nguyễn Hoàng Sơn: *Một phát hiện có ý nghĩa với việc nghiên cứu văn bản Truyện Kiều*. Tạp chí Văn nghệ, số 35+36 (2-9-2004). Trang 19 và 45.
- [14] Nguyễn Du: *Đoạn trường tân thanh (bản khắc năm 1834 của thư viện Đại Nội do cố Chủ tịch HDBT Phạm Văn Đồng gửi tặng)*. Nguyễn Thạch Giang biên khảo. Nxb Văn hóa - thông tin. 2005.
- [15] Nguyễn Du toàn tập, Tập 1. Nxb Văn học, 1996.
- [16] Trương Chính: *Nguyễn Du viết “Truyện Kiều” vào lúc nào?* Tạp chí Văn học. Số 6 (12-1963). Trang 76-84.
- [17] Nguyễn Khắc Bảo: *Nguyễn Du viết Truyện Kiều khi nào?* Tạp chí Ngôn ngữ và đời sống, số 6 (56) - 2000. Trang 14-16.
- [18] Ngô Đức Thọ: *Chữ húi Việt Nam qua các triều đại*. Nxb Văn hóa, 1997.
- [19] Lê Thành Lân: *Bàn về chữ “chùng”, chữ “giống” và các chữ có liên quan trong Truyện Kiều*. Kỷ yếu Hội nghị khoa học mừng GS Nguyễn Tài Cần 80 xuân. Trang 96-103.
- [20] Phan Thanh Sơn, Hà Thị Tuệ Thành: *Truyện Kiều được sáng tác vào khoảng nào?* Tạp chí Văn hóa Nghệ An, số 71, ngày 25-02-2006. Trang 29.
- [21] Lê Thành Lân: *Bản Nôm Truyện Kiều do Nguyễn Hữu Lập chép có lẽ đã bị sửa nát trước khi công bố*. T.c. Khoa học và Tổ Quốc Tháng 6-2005, trang 45-48 hoặc Văn hóa Nghệ An. Số 8-2005, trang 25-28.
- [22] Nguyễn Tài Cần: *Nguyễn Thiện nhuận sắc Hoa tiên vào những năm nào?* Báo Văn nghệ. Số 22, ngày 28-5-2005.
- [23] Nguyễn Quảng Tuân: *Trao đổi về Truyện Kiều. Đôi điều về bài Tìm lại người chép lại Truyện Kiều năm canh Ngọ (1870)*. Văn nghệ, số 35+36 (2-9-2004). trang 19.
- [24] Lê Thành Lân: *Về tờ bìa bản Kiều Nôm do Nguyễn Hữu Lập chép*. T.c. Hán Nôm. Số 2 (69). 2005, trang 71-79.
- [25] Nguyễn Quảng Tuân: *Trả lời ông Lê Thành Lân về tờ bìa bản Kiều Nôm do Nguyễn Hữu Lập chép*. T.c. Hán Nôm. Số 3 (70). 2005, trang 68-72.

Hà Nội, ngày 30-4-2006

Địa chỉ liên hệ: 50 Trần Xuân Soạn, Hà Nội
ĐT: 8 225 007
Email: lethanhlan@yahoo.de